

Bản án số: 253/2022/DS-ST

Ngày: 30/08/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Hội sở: 266-268 đường K, phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – sinh năm 1973;
Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh D1 – sinh năm 1987
(Giấy ủy quyền số: 165/2022/GUQ-CNQ5 ngày 25/4/2022 và Giấy ủy quyền số: 414/2022/GUQ-CNQ5 ngày 30/8/2022). Có mặt

Địa chỉ: 1093-1099 đường Đ, Phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị D2 – sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: 154/39 đường P, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 của Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của bà Nguyễn Thị Minh D1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì: Ngày 22/8/2019, bà Đỗ Thị D2 có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 486265-2401 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà D2, Ngân hàng đã cấp cho bà D2 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 12/4/2022 dư nợ của thẻ tín dụng là 59.541.588đ.

Ngày 25/12/2019, Ngân hàng và bà D2 có ký Hợp đồng tín dụng số 201924495821, theo đó Ngân hàng cho bà D2 vay 150.000.000đ, thời hạn 5 năm. Đến ngày 12/4/2022 nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên là: 95.000.000đ và 7.979.981đ tiền lãi.

Tổng số nợ của 2 khoản trên tính đến ngày 12/4/2022 là 162.521.569đ (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm hai mươi một ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D2 phải trả ngay số nợ trên cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ đã ký.

Bị đơn – bà Đỗ Thị D2 trình bày: Bà xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ như Ngân hàng đã trình bày, tính đến ngày 12/4/2022 bà nợ Ngân hàng 162.521.569đ, trong đó Hợp đồng thẻ là 59.541.588đ và Hợp đồng tín dụng là 95.000.000đ nợ gốc, nợ lãi: 7.979.981đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 1 lần bà không có khả năng, bà chỉ có khả năng trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ do đang nuôi 3 con nhỏ, không có chồng.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh D1 là Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngày 01/8/2022, bà D2 đã trả cho Ngân hàng 108.758.692đ để tất toán cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 201924495821 ngày 25/12/2019, nên Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay này. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng chỉ yêu cầu bà D2 phải trả khoản nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 486265-2401 ngày 22/8/2019. Quá trình sử dụng thẻ do bà D2 có 8 lần sử dụng thẻ vượt hạn mức, không trả phí thường niên, phí trễ hạn và lãi sử dụng thẻ nên đến ngày 30/8/2022 số nợ gốc của thẻ tín dụng trên là 57.959.301đ, cùng

tiền lãi quá hạn là 12.123.867đ. Đến ngày 30/8/2022 nợ gốc, lãi quá hạn của thẻ tín dụng là 70.090.168đ, Ngân hàng yêu cầu bà D2 phải trả ngay số nợ này và yêu cầu bà D2 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hai bên đã ký.

Bị đơn – bà Đỗ Thị D2 trình bày: Bà xác nhận đến ngày 30/8/2022 còn nợ Ngân hàng 70.090.168đ, để có tiền tất toán cho Ngân hàng khoản nợ của Hợp đồng tín dụng bà đã nhờ nhiều người giúp đỡ nên với khoản nợ thẻ hiện nay bà không có khả năng trả 1 lần cho Ngân hàng. Bà xin Ngân hàng chót lại số nợ là 70.090.168đ, không tiếp tục tính lãi và xin trả dần số nợ trên hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bị đơn do Bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – bà Nguyễn Thị Minh D1 có mặt; Bị đơn – bà Đỗ Thị D2 có mặt.

[3] Xét yêu cầu của Ngân đơn về việc yêu cầu bà D2 phải trả 70.090.168đ, trong đó: Nợ gốc: 57.959.301đ, Lãi quá hạn: 12.123.867đ. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của bà D2 ngày 21/8/2019.

Căn cứ phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 22/8/2019 của Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D2 với hạn mức 50.000.000đ.

Từ các căn cứ trên thể hiện giữa bà D2 và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản.

Theo bảng chiết tính của Ngân hàng cùng thừa nhận của bà D2 tại phiên tòa thì tính đến ngày 30/8/2022 số nợ còn lại của bà D2 đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/8/2019 là 70.090.168đ, trong đó: Nợ gốc: 57.959.301đ, Lãi quá hạn: 12.123.867đ. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D2

phải trả 70.090.168đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà D2 phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, lãi tính đến ngày 30/8/2022 là 70.090.168đ.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà D2 phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/8/2022 cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà D2 phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Do bà D2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà D2 phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà D phải thanh toán nợ cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với việc rút lại yêu cầu bà D2 phải trả 95.000.000đ nợ gốc và 7.979.981đ nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 201924495821 ngày 25/12/2019 của Ngân hàng.

Xét thấy: Theo thừa nhận của đôi bên đương sự thì ngày 01/8/2022 bà D2 đã thanh toán cho Ngân hàng 108.758.692đ để tất toán cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 201924495821 ngày 25/12/2019. Nên Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là đúng quy định. Do đó, căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Ngân hàng. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng 4.063.039đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bà D2 phải chịu 3.504.508đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.1 Buộc bà Đỗ Thị D2 có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 70.090.168đ (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi ngàn một trăm sáu mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc: 57.959.301đ, Lãi quá hạn: 12.123.867đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/8/2019.

1.2 Buộc bà Đỗ Thị D2 có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền lãi phát sinh từ ngày 31/8/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/8/2019.

1.3 Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Đỗ Thị D2 phải trả 95.000.000đ nợ gốc và 7.979.981đ nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 201924495821 ngày 25/12/2019.

2/ Về án phí: Bà Đỗ Thị D2 phải chịu 3.504.508đ (Ba triệu năm trăm linh bốn ngàn năm trăm linh tám đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 4.063.039đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi ba ngàn không trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031572 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bà Đỗ Thị D2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương